

M. 2907⁽¹⁾

1

ĐẠI - HỌC

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Sách này có trình phẩ
Thống-Sứ, giữ bản-quyền;
không ai được in lại và
bắt-chước lỗi.

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

3
傘 沱 書 店
叢 書

大學

ĐẠI-HỌC

NGUYỄN-KHẮC-HIỆU
NGHIÊM-THƯỢNG-VĂN
ĐẶNG-ĐỨC-TÔ
cùng dịch



TẢN-ĐÀ THƯ ĐIỂM

99, Hàng Gai Hanoi,

In bán

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

BÀI - TỰA

Về sự dịch Tứ Thư Ngũ Kinh

Nước ta nay về sau, tiên hóa văn-minh, nhờ ở Pháp học; bảo ~~chữ~~ quốc-túy, nhờ ở Hán-học; hai cái đó, là quốc-văn làm cơ-quan, tưởng ai cũng đều biết như thế vậy. Vậy cho nên một sự dịch sách thực là cần; Tứ Thư Ngũ Kinh đem ra dịch, không phải là không cần.

Tứ Thư Ngũ Kinh bao-tàng những tư-tưởng, học-thuật, đạo-đức, chánh-trị của đế vương hiền thánh đời xưa ở Á-Đông mà trọng dụng ở Việt-Nam ta kể có mấy nghìn năm, tinh-thần bàng-bạc ở nhân-tâm, phong-tục, luân-thường, trật-tự trong xã-hội. Thâm-thoát chưa bao lâu, các sách đó ở ta, tới nay như đã thành cổ; ấy là thời-thê biến-thiên mà sự-thê thực nên như thế vậy. Tuy vậy, thánh kinh hiền chuyện, sách dấu cổ mà tinh-thần chẳng cổ; dân phong quốc hóa, trải nghìn xưa còn vẫn như xưa. Phong-hóa còn, ấy là tinh-thần còn; tinh-thần còn, ấy là kinh chuyện còn. Hiện nay kinh chuyện còn mà không giữ cho còn, sợ rằng sau không còn; cho nên dịch dấu khó mà không ngại rằng khó, có khi cũng không khó. Nay cùng hai ba người đồng-chí, đem các sách Tứ Thư là Đại-Học, Trung-Dụng, Luận-Ngũ, Mạnh-Tử, Ngũ Kinh là Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân-Thu đó, lần-lượt dịch ra quốc-văn; dịch đèn dầu, in đèn đầy. Ôi, sức-vóc yếu mà công việc nặng, bóng chiều sê mà con đường xa, Tứ Thư Ngũ Kinh mà dịch hết được ra quốc-văn thời cũng là Tứ Thư Ngũ Kinh tự còn ở Việt-Nam ta vậy.

TẢN - ĐÀ

NGUYỄN-KHẮC-HIỆU tựa.

1922

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Mấy điều nói về lệ dịch trong Tứ Thư Ngũ Kinh

A — Trong sự dịch sách, có hai điều cần ; một là phải đúng nghĩa ; hai là phải xuôi nhời. Hai điều ấy, cần cho được điều nọ, thường hay hỏng điều kia, được cả hai, thực là khó. Lại muốn theo được từ-khí của nguyên-văn, câu nào ra điều ấy, nhời ai ra người ấy thời thực là rất khó. Trong bộ Tứ Thư Ngũ Kinh dịch ra quốc-văn này, phạm chính-văn, trừ một kinh Thi, còn thời đều theo thể trực-dịch (dịch thẳng theo nguyên-văn), dễ nghĩa hay khó nghĩa là tự ở nguyên-văn ; văn dịch chỉ mong được khỏi sai lạc nguyên-văn mà còn nhờ chú thích cho được thêm rõ nghĩa. Còn như các nhời chú thích là cốt để rõ nghĩa chính-văn của kinh-chuyện, văn dịch cũng cốt lấy tỏ nghĩa chính-văn của kinh-chuyện mà không toàn nệ theo nguyên-văn. Vậy thời trong bộ sách dịch này, cầu cho toàn được đúng nghĩa, xuôi nhời, câu nào ra điều ấy, nhời ai ra giọng người ấy, những kẻ dịch thực chưa có sức tới vậy.

B — Tứ Thư Ngũ Kinh, nguyên ở Hán-văn rất nhiều mà dịch sang quốc-văn để người nước ta cùng xem thời cũng nhiều chỗ không cần thiết cho lắm. Nay trong bốn dịch này, Tứ Thư tường hơn mà Ngũ Kinh có lược, lược những chỗ lấy làm nên lược mà những chỗ nên tường thời phải tường. Đó đều là định tự ý riêng, để đợi chất cùng các bậc đại-nhã.

C — Phạm trong văn dịch, không cứ theo thể dịch nào, cho được thành câu thời tất có chữ ở nguyên-văn, hoặc là thiếu, hoặc không thật đúng nghĩa. Hán văn dịch ra quốc-văn, lại có nhiều chữ khó thể dịch cho lộn được thời phải để nguyên tiếng. Vì vậy, trong bốn dịch này để riêng một khoảng trên, in nguyên Hán-văn, in quốc-văn làm tiếng đọc, theo từng chữ mà thích rõ nghĩa ; mỗi chữ, cứ nghĩa hiện-tại trong câu đó mà thích, còn như những nghĩa khác của chữ ấy, đến câu nào nghĩa nào, sẽ lại cứ thích theo hiện-tại. Chữ nào đã thích nghĩa riêng như thế mà như còn khó rõ thời có mượn

Pháp-văn, nguyên-tắc của Pháp-văn để giải thêm mong cho được rõ nghĩa. Sự làm phiên tả như vậy, cũng mong rằng sau này, các quân-tử trong tân-học hoặc có thì-giờ nhàn mà lưu-tâm đến Hán-học thời cứ nguyên-văn mà tự xét lấy ý nghĩa của kinh chuyện, mới thật được tinh-sắc, không phải cần ở những văn dịch làm giới-thiệu mà thường khi có sai.

D - Phàm chính văn của kinh chuyện, trải các tiên-nho đã chú thích mà tự ý những kẻ dịch có lấy làm ngờ nghĩa thời cũng phụ bản ở khoảng dưới để chắt cùng các nhà kinh-học nước ta.

Đ - Máy điều nói đây, là đại-lược về lệ-dịch thông cả trong Tứ Thư Ngũ Kinh; còn như trong bộ kinh chuyện nào hoặc có lệ riêng cần nói thời sẽ lại nói riêng ở trong bộ sách ấy.

E - Tứ Thư Ngũ Kinh, nay đem dịch ra quốc-văn dịch cho hết được thời là sự còn ở trong ý-dịnh; dịch mà kém thời đã hẳn thế Việc đã không đợi ai bắt mà tự làm thời cũng không đợi ai chê mà tự cười, chỉ mong rằng mỗi quyển in ra, các quân-tử trong xã hội xem xét mà trở bảo cho những chỗ kém cho được xửa đổi lại trong khi in ra lần thứ hai, thứ ba thời họa mới được ra quyển kinh, quyển chuyện. Ai có lòng yêu, xin bỏ giấy về *Tản-Đà Thư-Điểm*, chúng tôi không xiết hoan nghênh.

堯舜所以繼天立極。而
其性。此伏羲神農黃帝
師。使之治而教之。以復
必命之以爲億兆之君
盡其性。出於其間。則天
之也。一有聰明睿智能
以知其性之所有。而全
不能齊。是以不能皆有
性矣。然其氣質之稟。或
不與之以仁義禮智之
蓋自天降生民。則既莫
以教人之法也。
大學之書。古之大學所
大學章句序

Bài tựa Đại-Học chương-cú ⁽¹⁾

Quyển sách Đại - Học là khuôn-phép của nhà trường đại-học đời xưa để dạy người.

Nguyên từ Giời sinh ra người, cho khắp mọi người đều được có tính nhân, nghĩa, lễ, trí. Song khi chất con người ta bằm-sinh ra có khác nhau, không phải ai cũng nhận được trong tính mình có những gì mà giữ cho toàn được. (A) Trong loài người, có ai thông-minh tinh-khôn, toàn được tính Giời cho thời Giời tất mạnh cho làm vua làm thầy trong ức triệu, khiến cho trị dân, dạy dân, cho được phục lại nguyên-tính. (B) Ấy thế cho nên vua Phục-Hy, vua Thần-

A — Họ TRẦN Tân-An giải rằng: những cái trong tính có, tức là nhân, nghĩa, lễ, trí. Tính người ta thời không có tri với ngu, hiền với chẳng hiền khác nhau. Duy khi thời có người trong, có người đục, người nào khi trong thời biết được, mà người nào khi đục thời không biết được, cho nên không đều biết được; chất thời có người thuần, có người tạp, người nào chất thuần thời giữ được toàn mà người nào chất tạp thời không giữ được toàn, cho nên không đều giữ được toàn. Biết những cái ở trong tính mình có, là thuộc về việc *biết*; giữ toàn được những cái ở trong tính mình có, là thuộc về việc *làm* (hành), hai điều đó gồm hết một thiên Đại-học, ý đã ngụ ở đây.

B — Họ TRẦN Tân-An giải rằng: ba đời giở về trước, những ông vua hiền thánh làm trọn được cả chức-trách làm vua và làm thầy ba đời về sau, đạo làm vua có người được ít nhiều mà đạo làm thầy thời tuyệt không có vậy.

(1) Ông Tru-Hy là người đời nhà Tống, chia xếp từng chương từng câu trong sách Đại-học mà thích nghĩa gọi là: *Đại-Học chương-cú*. Nay các nhời chú-thích của sách Đại-Học cùng những sách trong Tứ Thư đều lấy chương-cú của ông Tru-Hy làm chủ.

如此。教之之術。其次第也。夫以學校之設。其廣之教。大小之節。所以分已治人之道。此又學校而教之以窮理正心修凡民之俊秀。皆入大學。卿大夫元士之適子。與子之元子衆子。以至公及其十有五年。則自天節。禮樂射御書數之文。之以洒掃應對進退之。子弟皆入小學。而教自王公以下。至於庶人。莫不有學。人生八歲。則後王宮國都。以及閭巷。三代之隆。其法寢備。然由設也。司徒之職。典樂之官。所

Nông, vua Hoàng-Đế, vua Nghiêu, vua Thuấn (1) mới thừa mệnh Trời, giáo-hóa dân mà chức tư-dồ (2), quan điển-nhạc (3) vì thế đặt ra vậy.

Ba đời (Hạ, Thương, Chu) thịnh-trị, phép dạy dân ngày càng đủ; rồi đẩy trong cung vua, chốn kẻ chợ, cho đến các làng xóm đều có trường học. Người ta để ra lên tám tuổi thời từ con em các vương công, dưới đến con cái nhà dân-thứ đều vào trường tiểu-học, dạy cho biết những sự quét-tước, thưa-bầm, đi lên, lui xuống, những việc lễ, nhạc, sạ, ngư, viết-lách tính-toán; đến năm mười lăm tuổi thời từ con trưởng và các con thứ nhà vua, cho đến con cả nhà các quan công khanh, đại-phu, nguyên-sĩ, cùng là những người tuần-tú trong phạm-dân đều vào trường đại-học, dạy cho hiểu cách xét cho thấu nhẽ, làm cho ngay lòng, tu-tĩnh trong mình, coi-trị người khác; (4) thế lại là cách dạy ở nhà trường có chia ra đại tiểu khác nhau vậy. Nghĩ như nhà học mở ra, rộng khắp như thế; cách-thức dạy người, thứ-bực điều-mục kĩ rõ như thế; đến như cái cốt-yếu để dạy thời chỉ nguyên tự tâm thân ông vua ăn ở có đạo đức, cùng là ở những việc luân-thường cư-sử trong ngày thường của dân. Bởi thế, người đời bấy giờ ai cũng học. Ai có học, đều có nhận biết được tính - phận của mình nguyên có

(1) Năm ông vua này, gọi là ngũ-đế.

(2) Dạy về luân-thường.

(3) Dạy về nhạc-ca.

(4) Những người ấy đều sẽ làm vua, làm quan, có chức-trách coi trị, dạy bảo thiên-hạ, nhà nước.

流餘裔。而此篇則因小學之
則弟子職諸篇。固小學之支
之以詔後世。若曲禮少儀內
於是獨取先王之法。誦而傳
不得君師之位。以行其政教。
頹敗。時則有若孔子之聖。而
校之政不修。教化陵夷。風俗
及周之衰。賢聖之君不作。學
及也。
俗美於下。而非後世之所能
此古昔盛辰。所以治隆於上。
所當爲。而各俛焉。以盡其力。
知其性分之所固有。職分之
無不學。其學焉者。無不有以
用彝倫之外。是以當世之人。
心得之餘。不待求之民生日
爲教。則又皆本之人君躬行
節目之詳。又如此。而其所以

những thế nào, chức-phận của mình nên làm như thế nào mà đều gắng cho hết sức. Vì thế cho nên trong những đời thịnh-trị khi xưa, trên thời chánh-trị hay, dưới thời phong-tục tốt mà đời sau không thể theo được.

Đến lúc nhà Chu đã suy, những ông vua hiền thánh không sinh ra đời nữa, việc trường-học bỏ chế, giáo - hóa suy, phong-tục nát. Trong đời ấy thời có người thánh như đức Khổng mà không được cái địa-vị làm vua làm thầy, đề thi - hành cách chánh - trị và giáo - dục của mình, mới riêng đem những phép-tắc của các vua đời xưa, học lấy mà dạy học-trò, để bảo lại cho đời sau. Như các thiên Khúc-lê, Thiếu-nghi, Nội-tắc. Đệ-tử-chức, (1) ấy là những điều dạy trong trường tiểu-học còn sót lại; một thiên này (2) nhân ở tiểu-học đã hết việc mà để trở rõ cái khuôn-phép của đại-học, ngoài thời qui-mô có rất nhón, trong thời tiết-mục có rất tường. Trong ba nghìn học-trò, ấy ai cũng biết nghĩa cả mà chỉ tự họ Tăng (3) truyền lại là chính-tôn; lúc ấy mới làm ra nghĩa chuyện đề phát - biểu ý - kiến. Đến khi thầy

(1) Những thiên này đều có ở trong Lễ-Ký.

(2) Hai chữ « thiên này » ở đây, nói riêng một chương kinh.

(3) Ông Tăng-Sâm cùng những học-trò.

而壞亂極矣。否塞反覆沈痼。以及五季之衰。不幸而不得蒙至治之澤。晦盲幸而不得聞大道之要。其小人紛然雜出乎其間。使其君子不所以惑世誣民。充塞仁義者。又功名之說。與夫百家衆技之流。無寔。其他權謀術數。一切以就無寂滅之教。其高過於大學。而其功倍於小學。而無用。異端虛自是以來。俗儒記誦詞章之習。存而知者鮮矣。孟子沒而其傳泯焉。則其書雖宗。於是作爲傳義。以發其意。及不聞其說。而曾氏之傳。獨得其節目之詳者也。二千之徒。蓋莫極其規模之大。而內有以盡其成功。以著大學之明法。外有以

Mạnh chết mất mà sự truyền cũng thôi, thời sách ấy dần còn mà kẻ biết có ít.

Từ đây giờ đi, những học-trò thế-tục, người thời chuyên về học nhỏ, người thời chuộng về văn-bài, dùng công tốn hơn tiểu-học đời xưa mà không thiết-dụng; những đạo lạ mỗi khác, đạo thời giảng về hư-vô(1), đạo thời dạy về tịch-diệt,(2) ngụ ý cao hơn đại-học đời xưa mà không có thực; lại như những môn học nói về quyền-mưu thuật-số, nhất-thiết đề cầu lấy công-danh; cùng là trăm nhà mọi nghề đem những cái đề lừa đời dối người, chen lấp nhân-nghĩa, lại sau trước sinh-xuất ra thật nhiều; khiến cho người quân-tử chẳng may mà không được nghe cái cốt-yếu của đại-đạo, kẻ tiểu-nhân chẳng may mà không được nhờ cái ân-trạch của chí-trị, như tối như mờ, như bưng như lấp, như bệnh không chữa, như đắm càng sâu, xuống đến năm đời cuối (Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu) mà hoại-loạn quá lắm vậy. (3)

(1) Đạo họ Lão.

(2) Đạo họ Phật.

(3) Một đoạn này, ông Tru-Hy vì tôn sùng đạo-học của đức Khổng mà bài-bác các học khác, hoặc đến quá nhẹ, tưởng cũng nên xét.

天運循環。無往不復。宋德隆盛。治教休明。於是河南程氏兩夫子出。而有以接夫孟氏之傳。寔始尊信此篇。而表章之。既又爲之次其簡編。發其歸趣。然後古者大學教人之法。聖經賢傳之指。粲然復明於世。雖以熹之不敏。亦幸私淑而與有聞焉。顧其爲書。猶頗放失。是以忘其固陋。采而輯之。間亦竊附已意。補其闕略。以俟後之君子。極知僭踰。無所逃罪。然於國家化民成俗之意。學者修己治人之方。則未必無小補云。

淳熙己酉二月甲子

新安朱熹序

Vận giờ tuần-hoàn, đi thời có lại; vua Tống đức thịnh, chính giáo đều hay. Hai vị tiên-sinh họ Trình ở Hà-nam (1) mới ra đời mà nối theo được sự truyền của họ Mạnh, thật mới tin kinh thiên này (2) mà đem biểu ra, làm cho rõ-rệt, lại xếp đặt các chương tiết vào thứ-tự, trở sáng ý hướng trong sách. Vậy mà cái phép dạy người của trường đại-học đời cổ, ý nghĩa trong kinh Thánh chuyện Hiền lại sáng láng cho người đời đều biết (3). Dẫu cho như Hy là không sõi, cũng may được học riêng mà nghe biết ít nhiều. Song nghĩ cho sách đó cũng còn có mất-mát, vậy nên quên mình là học kém, lấy mà biên-tập lại, trong cũng có lấy ý mình phụ thêm, bỏ những chỗ khuyết-lược, để đợi người quân-tử khi sau. Tự biết là lạm lăm, không chốn được tội lỗi; song đối với cái ý của nhà-nước giáo-hóa dân cho nên phong-tục tốt, cái đường của học-giả tu-tĩnh mình để mà coi-trị người thời chưa hẳn không có chút ích vậy.

Ngày giáp-tử, tháng hai, năm kỷ-dậu, hiệu Thuần-Hy.

Tân-an TRU-HY tựa.

(1) Ông anh là Trình-Hiệu, tên tự là Bá-Thuần, hiệu là Minh-Đạo tiên-sinh; ông em là Trình-Di, tên tự là Chính-Thúc, hiệu là Y-Xuyên tiên sinh.

(2) Hai chữ « thiên này » ở đây, nói gồm cả mười chương chuyện.

(3) Đại-Học nguyên là một thiên trong Lễ-Ký, ông Trình lấy đem riêng ra mà xếp đặt thứ-tự, trở rõ ý nghĩa, dẫu chưa có thành sách.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

大學

差矣。焉。則庶乎其不
者必由是而學
而論孟次之。學
獨賴此篇之存。
人爲學次第者。
也。於今可見古
初學入德之門
孔氏之遺書。而
子程子曰。大學

ĐẠI-HỌC

Thầy Trình-Tử (1) nói rằng : « Đại-Học là sách của họ Khổng còn lại mà là cái cửa mới học vào cõi đức. Ở ngày nay mà biết được thứ-bực học-hành của người xưa, chỉ nhờ có thiên này còn lại, rồi đến sách Luận-Ngữ, sách Mạnh-Tử ; kẻ học tất cứ theo đó mà học thời may có khi không sai đường ». (2)

(1) Chữ 子 tử là một chữ để gọi chung mọi người, tôn, ty, trọng, khinh, tùy ở người mà có khác. Như Khổng-tử là một vị thánh-nhân, ta tôn là « đức Khổng », Tăng-tử, Trình-tử là các vị hiền-triết đời xưa, ta tôn là « thầy Tăng, thầy Trình » ; Di-tử, Tử-tử là những người học-trò, chưa phải là bậc hiền-triết, ta nên cứ thường mà gọi, đáng như là « anh Di, anh Tử », song những tiếng gọi đó, đem vào sách hoặc có không tiện, vậy trong bộ dịch này, gặp những chữ tên người như thế, cứ để nguyên là « Di-tử, Tử-tử » cho tiện đọc. — Chỗ sách đây đã hai chữ « Trình-tử » là « thầy Trình », lại thêm một chữ tử ở trên nữa, là vì thầy Tru học ở học-trò thầy Trình, cho nên tôn riêng lên một bậc ; văn dịch không tiện thêm chữ tử ở trên, cho nên thêm ở dưới mà dịch là « Thầy Trình-tử ».

(2) Đây tức là chương-cú của thầy Tru mà thầy Tru dẫn nhờ của thầy Trình. Sau này, phạm in ở dưới chính-văn mà không biểu là nhờ ai, hoặc là nhờ của ai mà có giấu « » thời đều là chương-cú của thầy Tru cả. Còn các nhà giải thích khác thời đều có biên họ mà in chữ bé hơn.

大 道。明 親 止 善。
學 在 德。民。於
之 明 在 在 至

Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân-dân, tại chí
ư chí-thiện.

大	Đại — Nhớn.	明	Minh — Làm sáng, làm
學	Học — Sự học.		cho sáng.
大學	Đại-Học — Sự học nhớn.	明	Minh — Sáng (1)
之	Chi — Của, thuộc về (pré- position) — Những chữ chi ở câu nào mà câu ấy trên dưới đều có chữ (nom) thời nghĩa thường như chữ chi này.	明德	Minh-Đức — Đức sáng.
道	Đạo — Đường, lối, cách làm, cách theo.	新	Tân — Làm mới, làm cho mới.
在	Tại — Ở về, ấy là, ấy phải. (Consister en)	民	Dân — Dân, mọi người.
		止	Chỉ — Đến, đậu vào, ở vào.
		於	Ư — Ở, ở tại (prép. à).
		至	Chí — Rất, lắm.
		善	Thiện — Hay, phải.
		至善	Chí thiện — Chỗ rất hay, rất phải.

Cái đạo đại-học, ấy là làm sáng minh-đức, ấy là
làm mới dân, ấy là chí ở chí-thiện.

(1) Hán-văn, thường mặt chữ viết như một mà tùy chỗ về mỗi
chữ khác nhau. Như chữ *minh* ở trên này là về chữ (verbe), chữ
minh này thời là về chữ (adjectif); lại có ở chỗ khác thời về chữ
(nom), về chữ (adverbe). Các chữ như thế thực rất nhiều, người
xem nhiều tự nhận thấy, không cần thích nghĩa cho hết vậy.

學之綱領也。一毫人欲之私也。此三者。大其有以盡夫天理之極。而無止於至善之地。而不遷。蓋必之極也。言明明德新民。皆當不遷之意。至善則事理當然。梁之污也。止者必至於是。而以及人。使之亦有以去其舊言。既自明其明德。又當推之其初也。新者革其舊之謂也。當因其所發而遂明之。以復之明。則有未嘗息者。故學者所蔽。則有時而昏。然其本體事者也。但爲氣稟所拘。人欲虛靈不昧。以具衆理。而應萬也。明德者。人之所得乎天。而大學者。大人之學也。明明之。程子曰。親當作新。

Thầy Trình rằng : « chữ 親 thân nên làm chữ 新 lân ».

Đại-học là sự học của người nhơn. . . . Minh-đức là cái của người ta được ở giới cho, quang-dăng thiêng-liêng, nguyên không có tối, để đủ hết mọi nhẽ mà tiếp-ứng muôn việc; chỉ vì khí xấu bó-buộc, lòng dục màng - che thời có lúc mờ ám; song tự nguyên-thể vẫn có sáng thời chưa bao giờ có tắt được; cho nên kẻ học tất nên nhàn những khi có phát-hiện mà làm cho ra sáng, cho được hoàn lại nguyên xưa. Làm mới nghĩa là đổi cũ. Nói đã tự làm sáng minh - đức của mình, lại nên suy cho đến kẻ khác, khiến cho cũng bỏ được những cái nhơ - bần cũ đã từ ngoài nhiễm vào. Chỉ là ý nói tất đến ở chỗ ấy mà không có dời-dịch. Chí-thiện thời là cái chỗ cùng - cực của sự-lý nên như thế. Nói làm sáng minh - đức, làm mới dân, đều nên chỉ ở chỗ chí-thiện mà không dời-dịch. Ấy là tất phải có làm cho hết nhẽ giới thật đến nơi cùng-cực mà không còn một chút lòng riêng. Ba điều đó là cương-lĩnh (1) của đại-học.

(1) Cương là giây rường của cái lưới. Lĩnh là cái cổ áo. Kéo giây rường thời lưới dương, xóng cổ áo thời áo xuôi, cho nên lấy hai chữ đó để nói những nghĩa nhơn ở trong sách.

Họ Ngô Quý-Tử giải rằng: Kể từ con người ta đã có thân-hình sinh ra, cái gọi là minh-đức cũng sáng suốt ở trong tất cả, như nước không có sóng, như gương không có bụi; giới đất cao sâu, quỷ thần u-ẩn, sự vật nhiều, cơ-vi nhỏ, các nhẽ đủ cả ở trong đó, chạm đến thời biết, cảm đến thời thông mà tự mình không biết như thế vậy. Cái đức ấy, sinh ngay từ lúc ta mới sinh, về sau không thêm cũng không bớt. Song lấy cái thân-hình bởi khi-bẩm sinh ra, tiếp sự-biến vô-cùng trong nhân-thế, nào những cái đến trước ta mà đồ-danh, mà rất cướp, không phải là ít, vậy thời sao giữ được cái đức ấy cho thường sáng mãi ru? Thế cho nên người quân-tử bậc đại-học phải cần xét nghĩa-lý mà bỏ những cái lụy trong lòng dục; nghĩa-lý thấu, lụy dục tiêu thời cái đức sáng ấy mới được sáng. — Đức của mình đã sáng mà đức của người khác còn chưa sáng, nếu bỏ mặc không cần nghĩ, quả có hợp với lòng giới sinh ra hiền thánh thế ru? Giới sinh ra thánh hiền, vẫn là lấy dân vật trong một đời mà giao cho phải nhận chức-trách, ta đã sáng, sao nỡ để kẻ khác còn tối, tất phải lấy mình là người biết trước mà hiều cho những kẻ biết sau. Tự sửa mình mà suy ra tề-nhà, làm cho minh-đức của mọi người trong một nhà đều được sáng; tự tề-nhà mà suy ra trị nước, làm cho minh-đức của mọi người trong một nước đều được sáng; tự trị nước mà suy ra bình thiên-hạ, làm cho minh-đức của mọi người trong thiên-hạ đều được sáng. Bao những cái như thừa bần cũ, như tuyết tâu, như băng tiêu; mà những điều thiện mới, tục hay, như gió đi, như sấm động. Chức-trách của thánh-hiền đến thế mới hết vậy. — Làm cho sáng, làm cho mới, đều có luật-phép nhất định, tất phải đến đó rồi mới đóng; chưa đến đó, sao được có cái chỗ tru chân? Làm vua mà nhân, làm tôi mà kính, làm con mà hiếu, làm cha mà từ, cùng người nước giao-tiếp mà tin, làm cho sáng đức đến như thế thời thật là sáng; làm cho mới dân đến như thế thời thật là mới. Đó là cái cội rất tinh, rất đáng, rất hay, rất tốt, không còn có thêm được một cái lông, một cái tóc nào nữa; ở cửa thánh không biết lấy gì mà hình-dung, phải tạm lấy hai chữ *chi-thiện* mà gọi gương đó vậy. Lấy *chi-thiện* làm chuẩn-dịch thời đường xa gánh nặng biết nhường bao! Vì cho người học kia hết lòng hết sức, còn sợ không theo được cái bụi sau xe của hiền thánh; nếu lại biếng lười chể nải, trước tự để mình vào cái địa-vị hèn kém, đi nửa đường mà bỏ, còn toan cùng nói chuyện đại-học được sao!

知有后而安慮。能
止定。能后而慮得。
而定靜。能后而
后而靜安。能后

其所止。處事精詳。得謂得
謂所處而安。慮謂
靜謂心不妄動。安
知之則志有定向。向
即至善之所在也。
止者所當止之地。

Tri chỉ, nhi hậu hữu định; định, nhi hậu năng tĩnh; tĩnh
nhi hậu năng an; an, nhi hậu năng lự; lự, nhi hậu năng đắc

知 Tri — Biết.
而 Nhi — Mà.
后 Hậu — Sau.
而后 Nhi hậu — Mà sau, mà
rồi, rồi mới.
有 Hữu — Có.
定 Định — Định.

能 Năng — Hay, biết, biết
được, có thể, làm được.(1)
靜 Tĩnh — Tĩnh, yên lặng.
安 An — Yên.
慮 Lự — Nghĩ, lo nghĩ.
得 Đắc — Được.

Biết chỉ rồi mới có định; định rồi mới có thể tĩnh;
tĩnh rồi mới có thể yên; yên rồi mới có thể nghĩ;
nghĩ rồi mới có thể được.

Chỉ là chỗ nên chỉ, tức là chỗ mà cái chí-thiện ở đó;
biết đó thời chí-hướng có định. Tĩnh là trong bụng không
vì những sự nhảm mà động. Yên là ở yên. Nghĩ là sự việc
tinh tường. Được là được chỗ nên chỉ.

(1) Chữ 能 năng có ba nghĩa: nói về đạo-đức, nói về trí-thức, nói
về tài-lực, tùy câu mà dịch có hơi khác.

Họ Ngô Quý-tử giải rằng: *định, tĩnh, yên, nghỉ, được*, năm cái đó là tiết-thứ trong việc *chỉ-chí-thiện*. Đầu sách Đại-học, ba điều, lấy *chỉ-chí-thiện* làm sau hết, là đã muốn cho kẻ học *chỉ* ở chỗ *chí-thiện* lấy làm chuẩn; đây chỉ lại nói tiết-thứ cho tường. Ấy vì rằng cái chỗ *chí-thiện* không phải nhảy một bước mà đến được, tất phải qua những tiết-thứ như đây, rồi mới đến được cái chỗ *chỉ*; cái lúc *có thể được*, ấy là chỗ *chỉ* vậy. Từ *có định* đến *có thể được* tất cả năm tiết, song phải dùng công từ *biết chỗ chỉ*; nếu không cần biết chỗ *chỉ* mà muốn đến ngay cái cõi *có thể được* thời là vượt qua bậc mà không thể tiến vào cõi đạo. Bởi thế, sách Đại-học đem một điều *biết chỉ* mà đứng đầu năm việc kia. — Làm cho sáng đức, làm cho mới dân, đều có cái luật-phép nhất định, không thể thêm bớt được một cái lông, một cái tóc, ấy là chỗ của người học nên *chỉ*, tức là chỗ *chí-thiện*; song nếu không thật biết thời chỉ thấy bề đạo mênh-mông, không bờ không bến, lòng ta lay chệnh, nửa tin nửa, nghi, lênh-dênh như một chiếc thuyền buồng, không đâu là chỗ đến. Vậy phải cho thật biết cái nhẽ nên như thế mà ở ta không thể không thể được, như đói ăn khát uống, tất đến thế mới thôi thời trong lòng mới chỉ vào một đích mà mới có chỗ nương lấy làm cứ. Cho nên bảo rằng *biết chỉ rồi mới có định*. — Thường-tĩnh con người ta, trong lòng không có chủ thời hề cùng vật ngoài giao-tiếp, chỉ rối loạn không ra làm sao, nghìn điều vạn mối, sinh sự không siết nói vậy. Vì được có chỗ lấy làm cứ, chẳng bị vật ngoài lay động thời trong lòng quang-không im-lặng, như trên bầu không không có mây, như trong nhà sáng sinh ra trắng, chẳng phải hạng *chí-tĩnh* trong thiên-hạ, ai được thế ru! Cho nên bảo rằng *có định rồi mới có thể tĩnh*. — Thân lấy lòng làm chủ, lòng lấy thân làm tớ; vậy mà nhẽ phải của giới cùng lòng dục của người cùng nhau thừa trư. Tĩnh thời những vật sa-hoa phồn-thịnh ở ngoài, không lền vào đâu mà đổ được ta; nhẽ giới thuần toàn, tự-nhiên lòng rộng thể yên, trên không hồ với giới, dưới không thẹn với người, không lại có nghi ngờ sợ ngại. Cho nên bảo rằng *tĩnh rồi mới có thể yên*. — Nhân-hạ sinh ra tinh-tường, vội-vàng sinh ra nhảm-lẫn, đó là lý, cũng là thế. Sự vật trong thiên-hạ bởi bởi đến trước ta không biết bao nhiêu, ta sử-trí thế nào cho là

phải, chẳng nghĩ kỹ không được. Song người ta ai chẳng muốn nghĩ kỹ mà giúng đến việc vẫn sai-nhầm, ấy chỉ là ở trong bụng mình, nhẽ giới cùng với lòng dục đánh nhau không yên, cho nên ứng-tiếp với sự vật mà không sử cho được thỏa-đáng. Đã *tĩnh* mà *yên* thời nhân-bạ ung-dung, lấy một lòng ta tiếp muốn vật, cân mà biết nhẹ nặng, đo mà biết dài ngắn, nên cho, nên lấy, nên từ, nên nhân, nên lui, nên tới, nên chổng, nên lâu, chỉ cứ đáng thôi vậy. Cho nên bảo rằng *yên* rồi mới có thể nghĩ. — Người ta, ai không muốn làm thiện thời không nói chi, thật cũng có người muốn làm thiện mà không làm được thiện; làm thiện mà chẳng muốn làm đến cùng-cực thời không nói chi, thật cũng có người muốn làm đến cùng-cực mà không làm được đến cùng-cực. Làm vua mà muốn nhân, làm tôi mà muốn kính, làm con mà muốn hiếu, làm cha mà muốn từ, cùng người giao-tiếp mà muốn tín, những cái trong lòng ta muốn mà không được thỏa-thích, kẻ biết bao nhiêu; cho nên *định*, *tĩnh*, *yên*, *nghĩ* chưa khó mà được mới là khó. Tất là công-phu đến nơi, khu-sử thật phải, rồi mới mong sao được thể, chuộng chí mà được chi, cầu nhân mà được nhân, như bắn mà được tin, như cấy mà được gặt, đó tức Đại-học bảo là chỗ *chí-thiện*. Cho nên bảo rằng *nghĩ* rồi mới có thể được. Hợp năm sự đó mà luận thời từ nông mà đến sâu, từ thưa mà đến nhặt, từ bé mà đến nhón, từ thô mà đến tinh, đều nên phải có giảng. Tách năm sự đó mà xem thời *biết* *chỉ* mà *định* là gốc của *tĩnh*, *yên*, *nghĩ*, *được*, đó là việc bắt đầu trong đại-học; có thể được là hiệu của *định*, *tĩnh*, *yên*, *nghĩ*, đó là việc sau cùng của đại-học. Có trước thời có sau, người học nên theo từ chỗ trước mà lấy *biết* *chỉ* làm cửa vào, là phải.

Họ Hồ Trí-đường rằng: sự biết của người quân-tử, quí ở đến nơi. Biết đến nơi, như biết nước ướt, biết lửa nóng, biết sắc đẹp đáng yêu, biết mùi xấu đáng ghét; dầu chẳng may mù mà không trông thấy, cái sự biết ấy cũng không thể loạn được.

Họ Hoàng Tuân-nhiên rằng: Chữ Đạo trong tiết này là cái đạo của thánh-nhân.

物事知則
有有所近
本終先道
末始後矣。

明 爲 能 所 此 之
德 末 得 先 結 意
爲 知 爲 末 上
本 止 終 終 文
新 爲 本 所 兩
民 始 始 後 節

Vật hữu bản末, sự hữu chung thủy. Tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ.

物 Vật — Vật (cái có hình
chất, hoặc không có hình
chất). (1)

本 Bản — Gốc, nguồn gốc.

末 Mạt — Ngon, cuối,

事 Sự — Sự, việc.

終 Chung — Sau, cuối, chỗ
cuối-cùng.

始 Thủy — Trước, đầu, chỗ
bắt đầu.

所 Sở — Cái, điều, sự, chỗ.

先 Tiên — Trước, làm trước.

後 Hậu — Sau, làm sau.

則 Tắc — Thời.

近 Cận — Gần.

道 Đạo — Đạo, (đạo của thánh
nhân).

矣 Hĩ — Vây (Giấu chấm
câu, trở ý đã, đủ, đã
được, đã hồng, đủ được,
đủ hồng).

Vật có gốc ngon ; việc có đầu cuối. Biết chỗ trước sau thời đã là gần Đạo.

Làm sáng minh-đức là gốc. Làm mới dân là ngon. Biết chỗ nên chỉ là đầu. Được chỗ nên chỉ là cuối. Gốc và đầu là chỗ nên trước, ngon và cuối là chỗ nên sau. Đây là kết cái ý của hai tiết trên.

Mông-dẫn : Xét tiết thứ hai, chẳng qua là suy gốc ở chỉ chỉ thiện trong tiết thứ nhất ; không phải là đối với tiết thứ nhất mà nói ; vậy mà tiết thứ ba này lại đem cả ý hai tiết trên mà nói sòng với nhau, là sao ? — Tại rằng vật với sự không sánh với nhau, sự ức là sự ở trong vật. Đây chỉ lấy rằng đều có thứ-tự trước sau, cho nên đem đối nhau mà nói. Vật có gốc ngon là trước tự trị mình mà sau trị người ; việc có đầu cuối là sự làm lấy sự biết làm trước. Cho nên bảo rằng : « biết chỗ trước sau thời đã là gần đạo. » Chỉ biết xong những chữ : « gốc, ngon, đầu, cuối » mà cái thứ-tự nên trước nên sau, tự đã rõ vậy.

(1) Chữ vật có hai nghĩa, rộng và hẹp : về nghĩa rộng thời nói gồm cả các cái có hình và các cái không có hình (être) ; về nghĩa hẹp thời nói riêng các cái có hình (choses).

古於其者。齊其身。正其意。知
之天下欲明。治其家。修其心。誠其物。
德治國欲修身欲誠意致

Cồ chi dục minh minh-đức ở thiên-hạ giả, tiên trị kỳ quốc; dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân; dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm; dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý; dục thành kỳ ý giả, tiên chí kỳ tri; chí tri tại cách vật.

古 Cồ — Xưa, đời xưa, xưa kia.	國 Quốc — Nước.
之 Chi — Ai mà, nó mà (pronon relatif qui) — Những chữ <i>chi</i> mà ở dưới có chữ (verbe), thường như chữ <i>chi</i> này.	齊 Tề — Tề, làm cho bằng, làm cho đều.
欲 Dục — Muốn.	家 Gia — Nhà, (famille).
天下 Thiên-hạ — Thiên - hạ (khắp dưới gầm trời).	修 Tu — Sửa,
者 Giả — Kẻ, người.	身 Thân — Mình.
治 Trị — Trị, làm cho được yên.	正 Chính — Làm cho ngay.
其 Kỳ — Của ai, của người nào, của vật gì, (adjectif possessif).	心 Tâm — Lòng.
	誠 Thành — Làm cho thực.
	意 Ý — Ý.
	致 Trí — Làm cho đến nơi.
	知 Tri — Sự biết.
	格 Cách — Xét thấu, xét đến nhẽ.

Xưa kia, người muốn làm sáng minh-đức ở thiên-hạ, trước trị nước mình; muốn trị nước mình, trước tề nhà mình; muốn tề nhà mình, trước sửa mình; muốn sửa mình, trước làm ngay lòng mình; muốn làm ngay lòng mình, trước làm thực ý mình; muốn làm thực ý mình, trước làm cho biết đến nơi; làm cho biết đến nơi là phải xét vật cho đến nhẽ.

學之條目也。此八者大
處無不到也。窮至事物之理。欲其極
盡也。格至也。物猶事也。吾之知識。欲其無不
推極也。知猶識也。推極致
必自慊而無自欺也。致
也。實其心之所發。欲其
誠實也。意者心之所發
德也。心者身之所主也。
下之人皆有以明其明
明明德於天下者。使天

Làm sáng minh-đức ở thiên-hạ là khiến cho mọi người trong thiên-hạ, ai nấy đều có theo mà làm sáng được minh-đức. Lòng là cái chủ ở trong mình . . . Ý là cái tự ở trong lòng phát ra. Làm thực cái ở trong lòng phát ra là muốn thật được thích mà không tự dối mình. Làm cho đến nơi là suy cho thật đến nơi đến chốn. Biết là sự biết. Suy sự biết của mình cho thật đến nơi đến chốn là muốn cái điều mình biết không còn sót chút nào. Xét đến nhẽ là xét cho thật đến cùng đến cực. Vật cũng như sự. Xét nhẽ của sự vật cho thật đến cùng đến cực là muốn cho cái chỗ cùng - cực không còn thừa chút nào. Tám điều đó là điều-mục (1) của đại-học.

Thầy Tru giải rằng: *Trị nước, bình thiên-hạ cùng với thực ý, ngay lòng, sửa mình, tề nhà, chỉ là một nhẽ; xét vật cho đến nhẽ, làm cho biết đến nơi, cũng chỉ là nói biết cái nhẽ ấy mà thôi. Đó là bản-ý của một thiên Đại-học. Nếu tất cho trị nước, bình thiên-hạ là việc của vua, tướng mà kẻ học-trò không dự đến thời cái đạo trong ngoài khác gốc, khác đường về, cùng với bản-ý của kinh thật trái hẳn như nam với bắc. Vua Võ, ông Tắc, ông Nhan-Hồi cùng là một đạo, cứ gì tất ở ngôi mới là làm chính ru?*

Họ Ngô Quý-tử giải rằng: *Dây cùng với một đoạn dưới, là nói tách những điều-mục làm cho sáng đức, làm cho mới dân, mà trở rõ cái đường lối để chỉ chi-thiện. Ý tại rằng xét vật cho đến nhẽ, làm cho biết đến nơi, là việc bắt đầu của sự biết; làm cho thực ý là việc bắt-đầu của sự làm. Ấy là cái then cửa của đại-học. Đạo bởi biết mà vào, bởi làm mà đến. Biết không hết thời không chia tách được phải cùng trái, nhẽ với đục mà đường lối dễ đến sai nhảm; làm*

(1) Điều là những giây con của lưới, Mục là cái mắt lưới. Hai chữ đó, để nói những nghĩa rõ ở trong sách.

chẳng thực thời chẳng kéo câu-thả để dối mình mà trong ngoài không được hợp nhất. Cho nên tám điều-mục ấy của sách Đại-học, cứ theo thứ-tự mà nói thời *xét vật cho đến nhẽ*, làm cho biết đến nơi là việc bắt đầu mà rồi tiếp đến *thực ý*; giở lại gốc mà luận thời *vật đến nhẽ*, biết đến nơi là công-cực-chí mà rồi thứ đến *ý thực*. Kẻ học nhớ chỗ đó vào bụng thời có thể tính đến cái sự-nghiệp làm cho sáng đức, làm cho mới dân, cỉ ở chỗ chí-thiện vậy..... *Làm cho biết đến nơi*, chỉ ở *xét vật cho đến nhẽ*, hai điều đó đều là hai mà thực chỉ là một việc; ngoài xét cho đến nhẽ của vật, tức là để trong làm cho sự biết của ta đến nơi. Thầy Mạnh nói rằng: « Người ta có cái chẳng nghĩ mà biết, đó là lương-tri ». Cái lương-tri tự-nhiên ấy, cùng sinh với lúc sinh, người ta đều có cả; chỉ lo rằng tình niệm dục lấp, chỉ cứ làm mà thật chẳng hiểu rõ, không được cho đến cực, khiến cho cái sáng như một đường khe ấy dần dần mờ lấp mà cái cơ thị, phi, thiện, ác tiếp đến ta, thường thường ta quyết nhầm; sống như say, chết như mộng, đứng là đứng, đi là đi, rồi mà ý mới chẳng thực, lòng mới chẳng ngay mà mình mới chẳng sửa, còn mong gì tề nhà, trị nước để bình thiên-hạ ru! Cho nên sự dạy về đại-học, tất khiến cho kẻ học tức ngay ở vật để xét cùng cái nhẽ đó: Xem giới đất là cao sâu thời tất xét cho cùng rằng đó vì sao mà cao sâu, biết quĩ tĩ ẩn là u-ẩn thời tất xét cho cùng rằng đó vì sao mà u-ẩn, con cá làm sao mà nó nhảy, con diều làm sao mà nó bay, phàm vật có tiếp đến ta, ta phải xét cho thấu nhẽ, chẳng thấu đến cực thời chẳng thôi; nghĩ tai mắt là thông minh thời tất tìm ra cho biết rằng đó phải thế nào cho thông-minh, muốn đáng mặt cùng nhời nói cho nghiêm chỉnh thời tất xét cho biết rằng đó phải thế nào cho nghiêm chỉnh, chân tại sao mà nên vững-trãi; tay tại sao mà nên cung-kính, đầu tại sao mà nên thẳng miêng tại sao mà nên yên, phàm vật có đủ ở ta, ta thường xét cho thấu nhẽ, chẳng thấu đến tinh thời không thôi. Như thế thời không cứ vật gì đều đủ làm cho lương-tri của ta phát-hiện vậy....

Mông-dẫn: Phàm nhẽ vật đều có cái chỗ nên phải như thế mà không thể thôi được và cái có làm cho ra thế mà không thể đổi được. Cần cho hai ý ấy cùng đến, mới là phải.

物格而后知至。知至而后意誠。意誠而后心正。心正而后身修。身修而后家齊。家齊而后國治。國治而后天下平。

物格者。物理之極處無不到也。知至者。吾心之所知無不盡也。知既盡則意可得而實矣。意既實則心可得而正矣。修身以上。明明德之事也。齊家以下。新民之事也。物格知至。則知所止矣。意誠以下。則皆得所止之序也。

Vật cách, nhi hậu tri chí; tri chí, nhi hậu ý thành; ý thành, nhi hậu tâm chính; tâm chính, nhi hậu thân tu; thân tu, nhi hậu gia tề; gia tề, nhi hậu quốc trị; quốc trị, nhi hậu thiên-hạ bình.

至 Chí — Đến.

平 Bình — Bằng, bình-trị.

Vật đến nhẽ, rồi biết mới đến nơi; biết đến nơi, rồi ý mới thực; ý thực, rồi lòng mới ngay; lòng ngay, rồi mình mới sửa; mình sửa, rồi nhà mới tề; nhà tề, rồi nước mới trị; nước trị, rồi thiên-hạ mới bình.

Vật đến nhẽ là những chỗ cùng-cực của mọi nhẽ sự-vật không còn chỗ nào không đến. Biết đến nơi là những sự trong lòng ta biết không còn sự gì không hết. Biết đã hết thời ý có thể thực được; ý đã thực thời lòng có thể ngay được. Từ điều sửa-mình giở lên là về việc làm sáng minh-đức; từ điều tề-nhà giở xuống là về việc làm cho mới dân. Vật đến nhẽ, biết đến nơi thời là đã biết chỗ nên chí. Từ ý thực giở xuống thời đều là thứ-tự được chỗ nên chí.

Họ Nhiêu Song-phong rằng: Một tiết trên là cứ theo tám mục, nói về công-phu mà suy ngược lên; một tiết này là cứ theo tám mục, nói về công-hiệu mà suy thuận xuống.

Họ Hoàng Tuân-nhiêu rằng: Trong tiết này bảy chữ *hậu* 后, (rồi mới) là muốn cho người ta biết cái điều nên sau. Trong tiết trên, bảy chữ *tiên* 先 (trước) là muốn cho người ta biết cái điều nên trước. — Vật đến nhẽ rồi mới biết đến nơi, không rằng *tri-chí* (知致) mà rằng *tri-chí* (知至), nghĩa là sự biết tự đến nơi, vật đã đến nhẽ thời ngoài sự đo, không lại có cái công-phu làm cho biết đến nơi vậy. Xét vật cho đến nhẽ là việc bắt-dầu trong sự biết; làm thực ý là việc bắt-dầu trong sự làm; đó là cái then của của một thiên Đại-học.

自天子以 至於庶人。壹是皆以 修身爲本。壹是 正心以上。皆 所以修身也。齊家以下。則 舉此而錯之 耳。

Tự thiên-tử rĩ chí ư thứ-nhân, nhất-thị đại rĩ tu thân vi bản.

自 Tự — Từ.
天子 Thiên-tử — Ông vua, vna
thiên-tử.
庶人 Thứ-nhân — Người phàm
dân, mọi người.

壹是 Nhất-thị — Nhất
tất cả.
皆 Đại — Đều.
以 Rĩ — Lấy.

Từ thiên-tử cho đến thứ-nhân, nhất-thiết, đều lấy sửa mình làm gốc.

.... Từ điều ngay lòng giở lên, đều là để sửa mình; từ điều tề-nhà giở xuống thời chỉ đem cái đó suy ra vậy.

Họ Trần Tân-an rằng: Chỉ nhắc riêng đến một điều sửa-mình mà giở lên bao-bọc hết những công-phu ngay lòng, thực ý, làm cho biết đến nơi, xét vật đến nhẽ; giở xuống bao-bọc hết những công-hiệu tề nhà, trị nước, bình thiên-hạ.

Họ Nhiên Song-phong rằng: Một đoạn này, cứ trong tám điều-mục, lấy một cái chỗ tổng-yếu đem ra nói. Tại rằng, gốc của thiên-hạ là nước, gốc của nước là nhà, gốc của nhà là mình, tề là đều nên lấy sửa mình làm gốc. Hai đoạn trên là nói cho tương; một đoạn này là nói gọn lại vậy.

其本亂而末
治者否矣。其
所厚者薄。而
其所薄者厚。
未之有也。

意。
結上文兩節之
謂家也。此兩節
本謂身也。所厚

Kỳ bản loạn nhi mạt trị giả, phủ hĩ: kỳ sở hậu giả bạc, nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hữu dã.

亂 Loạn — Loạn, rối loạn.

否 Phủ — Không có.

厚 Hậu — Hậu, ở hậu.

薄 Bạc — Bạc, ở bạc.

未 Vị — Chưa, chưa.

之 Chi — Sự như thế. (Trở lên điều nói ở trên).

也 Dã — Vây (Giấu chấm hết câu, có ý là).

Cái gốc loạn mà ngọn được trị, đã không có thể; cái nơi hậu, sử bạc mà cái nơi bạc, sử hậu, chưa bao giờ có thể.

Cái gốc là trở vào mình. Cái nơi hậu là trở vào nhà. Hai tiết này là kết cái ý của hai tiết trên.

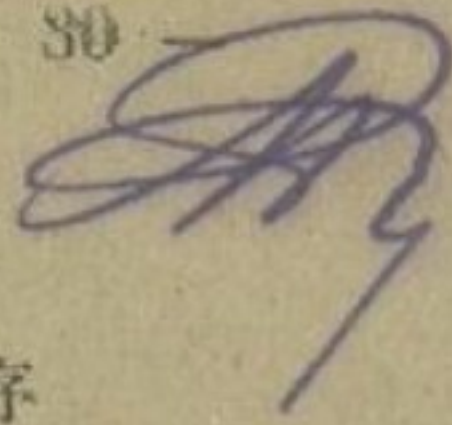
Họ Ngô Quý-tử rằng: «Cái chỗ hậu», ông Văn-công (tức là thầy Tru) cho là trở vào nhà mà nói. Tại rằng, trong cha con, ân xương thịt, nhẽ giới nên như thế mà lòng người ta không thể thôi được. Lấy nước đối với nhà mà nói thời nhà hậu hơn nước; lấy thiên-hạ đối với nước mà nói thời nước lại hậu hơn thiên-hạ. Sách Đại-học đã lấy hai chữ «gốc ngọn», mà nói rõ những việc từ sửa mình giở lên, cuo nên lại lấy hai chữ «hậu bạc» nói rõ những việc từ tề nhà giở xuống. Nghĩ cho thiên-hạ, nước, nhà, chỉ là có một nhẽ, lòng người quân-tử sao có nên coi hậu coi bạc ru! Song nhẽ dẫu có một mà phân thời khác nhau, vậy thời nên hậu nên bạc, ý tất có nhẽ giới nên như thế mà không thể vắn hỏi được; trái như thế thời không phải là tình của người ta mà lòng ta tự không yên được vậy. Thế cho nên hậu với chỗ hậu, bạc với chỗ bạc, dẫu thánh hiền không thể cưỡng làm cho cùng như nhau; cùng như nhau là chỉ cùng cái phải vậy. Kính ông già ta cho rộng đến ông già người, chớ

không coi ông già người trước ông già ta ; yêu trẻ ta, cho rộng đến trẻ người, chớ không coi trẻ con người trước trẻ con ta. Xem như thế, chẳng phải là nhà hậu hơn nước ru ? Trước chốn kinh-sư mà sau các nước ở Trung-quốc, chẳng coi các nước ở Trung-quốc hơn Kinh-sư ; ngôi thứ của bốn phương di-địch ở trong nhà minh-đường, không vào hàng với các nước chư-hầu. Xem như thế, chẳng phải nước hậu hơn thiên-hạ ru ? Sứ với trong nhà mà đã bạc thời còn có hậu với nước sao ! Sứ với nước đã bạc thời còn có hậu với thiên-hạ sao ! Đó không phải là cái bụng thánh hiền có thiên gì mà đặt ra hậu bạc như thế. Có người bảo rằng : bụng thánh hiền rộng-rãi rất công, cùng với giới đất muôn vật làm một, như nhà, như nước, như thiên-hạ, ví coi cả làm hậu mà không có chỗ nào là bạc, chẳng cũng hay lắm ru ? Thế tức sách Đại-học bảo là hiệt-củ. (1) Người nói như thế thật không phải. Như nhà, như nước, như thiên-hạ, tự phận giới cho, tiếp với ta, vẫn có thân xơ xa gần khác nhau, ta sao được coi cả làm một. Phương chi sự dạy của Đại-học thật chưa từng bảo người ta bạc với nước cùng thiên-hạ ; chỉ rằng lấy thiên-hạ so với nước thời nước càng nên hậu hơn. Nay ví bằng đánh đồng như nhau thời cái điều hậu với thiên-hạ, thiên-hạ chưa thấy gì là hậu mà ở nước đã coi đó thấy là bạc ; cái điều hậu với nước, nước chưa thấy gì là hậu mà ở nhà đã coi đó thấy là bạc. Tại làm sao mà thế ? Đó đây đo với nhau thời chỗ nên hậu hơn tự thành ra là bạc, ấy là lý, cũng là thế. Kinh Dịch rằng : «Người quân-tử cân vật mà ra ơn cho bằng». Ấy tất phải cân vật xem nhẹ nặng, rồi mới có thể ra ơn cho bằng. Hậu chỗ nên hậu, bạc chỗ nên bạc, thế mới là hiệt-củ vậy. Nếu nhất-khái coi như nhau cả thời muốn bình mà lại ra không bình, còn là hiệt-củ được sao !

(1) Hai chữ này, nghĩa ở dưới.

Certific conforme au tiap
Séchercha Mollo exemplum
Paula 21 Octobre 1922

- 30 -



右之其之也。今更序

經言。傳意。舊因考如

一而十而本程經左。

章。曾章。門頗子文。

蓋子則人有所別

孔述曾記錯定。爲

子之。子之簡。而次

凡傳。文貫至詳今

傳若理通。爲味。不

文無接深精久盡

雜統續淺密。當釋

引紀。血始熟見也。

經然脉終。讀之。

Giở lên là một chương Kinh, ý là nhờ nói của đức Khổng mà thầy Tăng thuật ra ; còn như mười chương Chuyện sau thời là ý của thầy Tăng mà những học-trò chép ra vậy. Bản cũ cũng có lẫn thẻ, (1) nay nhân thầy Trình định lại mà so xét với văn Kinh, riêng chia làm thứ tự ở sau đây.

Phàm trong văn Chuyện sau đây, đem lẫn kinh chuyện dân vào, như là không có giường mỗi ; song văn-lý tiếp-nối, huyết-mạch thông-suốt, sâu, nông, trước, sau, rất là tinh-mật. Đọc cho kỹ, ngâm cho tường, lâu khắc tự biết, nay không thích hết vậy.

(1) Ở Trung-quốc đời xưa chưa có giấy, lấy tre chẻ ra làm từng cái thẻ, lấy giấy xâu vào nhau, ấy là từng cuốn sách. Vì thế cho nên thường có lẫn thẻ thời đoạn nọ nhằm vào chỗ kia.